

Số: 31/QĐ-THTrA

Trảng An, ngày 13 tháng 01 năm 2024

### **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v niêm yết công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách  
Quý IV năm 2023**

#### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẢNG AN**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thị xã Đông Triều về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách cấp địa phương năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-PGD&ĐT, ngày 27/12/2022 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023 của UBND thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 nguồn trợ cấp có mục tiêu của tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-PGD&ĐT, ngày 14/11/2023 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều V/v phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-PGD&ĐT, ngày 24/11/2023 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-PGD&ĐT, ngày 18/12/2023 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-PGD&ĐT, ngày 22/12/2023 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ tình hình thực tế nhà trường.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Niêm yết công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý IV năm 2023 của trường tiểu học Tràng An (Kèm theo biểu mẫu 02; 03 ngày 13/01/2024).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận hành chính kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH;
- Bảng tin công khai;
- Đăng trang TTĐT trường;
- Lưu VT; hồ sơ.



**Nguyễn Thị Điệp**

Đơn vị: Trường tiểu học Trảng An  
Chương: 622 Loại 070 Khoản 072

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP BỔ SUNG NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-THTrA ngày 13/01/2024 của Hiệu trưởng trường tiểu học Trảng An)

DVT: đồng

| Số TT     | Nội dung                                           | Dự toán được giao    |
|-----------|----------------------------------------------------|----------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> | -                    |
| <b>01</b> | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          | -                    |
| 1.1       | Lệ phí                                             |                      |
| 1.2       | Phí (học phí)                                      | -                    |
| <b>02</b> | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                      |
| 2.1       | Chi sự nghiệp .....                                |                      |
| a         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                      |
| b         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| 2.2       | Chi quản lý hành chính                             |                      |
| a         | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                      |
| b         | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                      |
| <b>03</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>                     | -                    |
| 3.1       | Lệ phí                                             |                      |
| 3.2       | Phí (học phí)                                      | -                    |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>1.555.267.600</b> |
| <b>01</b> | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                      |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                      |
| 1.2       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                      |
| <b>02</b> | <b>Nghiên cứu khoa học</b>                         |                      |
| 2.1       | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                      |
| 2.2       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                      |
| 2.3       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| <b>03</b> | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>   | <b>1.555.267.600</b> |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 404.580.000          |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 1.150.687.600        |
| <b>04</b> | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>      |                      |

Đồng Triều, ngày 13 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Thị Diệp

Đơn vị: Trường tiểu học Trảng An  
Chương: 622 Loại 070 Khoản 072

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP BỔ SUNG NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-THTrA ngày 13/01/2024 của Hiệu trưởng trường tiểu học Trảng An)

DVT: đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao    |
|------------|----------------------------------------------------|----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                      |
| <b>01</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                      |
| 1.1        | Lệ phí                                             |                      |
| 1.2        | Phí (học phí)                                      |                      |
| <b>02</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                      |
| 2.1        | Chi sự nghiệp .....                                |                      |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                      |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| 2.2        | Chi quản lý hành chính                             |                      |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                      |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                      |
| <b>03</b>  | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>                     |                      |
| 3.1        | Lệ phí                                             |                      |
| 3.2        | Phí                                                |                      |
| <b>II</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>1.489.358.000</b> |
| <b>01</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                      |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                      |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                      |
| <b>02</b>  | <b>Nghiên cứu khoa học</b>                         |                      |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                      |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                      |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| <b>03</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>   | <b>1.489.358.000</b> |
| <b>3.1</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>              | <b>404.580.000</b>   |
|            | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                      |
| 3.2.1      | (cấp tiền cải cách tiền lương năm 2023)            | 404.580.000          |
| <b>3.2</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>        | <b>1.084.778.000</b> |
|            | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| 3.2.1      | (cấp tiền mua thiết bị năm 2023)                   | 1.044.935.000        |
|            | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| 3.2.2      | (cấp tiền hỗ trợ HĐ bảo vệ, vệ sinh năm 2023)      | 39.843.000           |
| <b>04</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>      |                      |

Đồng Triều, ngày 13 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Thị Diệp

Đơn vị: Trường tiểu học Trảng An  
Chương: 622 Loại 070 Khoản 072

## DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP BỔ SUNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-THTrA ngày 13/01/2024 của Hiệu trưởng trường tiểu học Trảng An)

ĐVT: đồng

| Số TT     | Nội dung                                                                                                         | Dự toán được giao |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                                               | -                 |
| <b>01</b> | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                                        | -                 |
| 1.1       | Lệ phí                                                                                                           |                   |
| 1.2       | Phí (học phí)                                                                                                    |                   |
| <b>02</b> | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                                                          |                   |
| 2.1       | Chi sự nghiệp .....                                                                                              |                   |
| a         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                   |                   |
| b         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                             |                   |
| 2.2       | Chi quản lý hành chính                                                                                           |                   |
| a         | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                                                 |                   |
| b         | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                                           |                   |
| <b>03</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>                                                                                   |                   |
| 3.1       | Lệ phí                                                                                                           |                   |
| 3.2       | Phí (học phí)                                                                                                    |                   |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                                            | 65.909.600        |
| <b>01</b> | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                                    |                   |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                                                 |                   |
| 1.2       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                                           |                   |
| <b>02</b> | <b>Nghiên cứu khoa học</b>                                                                                       |                   |
| 2.1       | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                                   |                   |
| 2.2       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng                                                                    |                   |
| 2.3       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                             |                   |
| <b>03</b> | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>                                                                 | 65.909.600        |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên<br>(tiền CPHT kỳ I năm học 2023-2024)                                       | 15.600.000        |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên<br>(tiền hỗ trợ tiền giáo viên dạy trẻ khuyết tật kỳ I năm học 2023 - 2024) | 50.309.600        |
| <b>04</b> | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                                                                    |                   |

Đồng Triều, ngày 13 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Thị Diệp

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC TRĂNG AN  
Chương: 622 Loại 070 Khoản 072

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 13 tháng 01 năm 2024

### CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-THTrA ngày 13/01/2024 của Hiệu trưởng trường tiểu học Trăng An)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số: 298/QĐ-PGDĐT, ngày 27/12/2022 của phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán ngân sách năm 2023";

Trường tiểu học Trăng An công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV năm 2023 như sau:

ĐV tính: đồng

| Số TT | Nội dung                                    | Dự toán đầu năm 2023 | Thực hiện quý IV năm 2023 | Thực hiện quý IV/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Thực hiện quý IV nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|---------------------------------------------|----------------------|---------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                           | 3                    | 4                         | 5 = 4/3*100                            | 6 = Q4 2023/Q4 2022                                     |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | 0                    | 0                         | 0                                      | 0                                                       |
| I     | Số thu phí, lệ phí                          |                      |                           |                                        |                                                         |
| 1     | Học phí                                     | 0                    | 0                         | 0                                      | 0                                                       |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại            |                      |                           |                                        |                                                         |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước       | 0                    | 0                         | 0                                      | 0                                                       |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước              |                      |                           |                                        |                                                         |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                  | 7.065.847.600        | 2.066.913.195             | 29                                     | 118,6                                                   |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ            | 5.510.580.000        | 1.927.804.339             | 35                                     | 140,0                                                   |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      | 1.555.267.600        | 139.108.856               | 9                                      | 74,8                                                    |

Đông Triều, ngày 13 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Thị Diệp